TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG LÁT** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/11/2019
V/v: *"Tranh chấp hôn nhân gia đình"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Ngô Thị T**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Ngô Thị L
2. Bà: Hà Thị T

***- Thư ký toà án ghi biên bản*:** Bà Lê Thị H - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa: Ông Phạm Viết T - KSV

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 14/2019/TLST- HNGĐ, ngày 26/9/2019 về việc "*Tranh chấp hôn nhân gia đình*" Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST, ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mường Lát giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị: Chá Thị T, sinh ngày 03 tháng 7 năm 1985

Địa chỉ: Bản Chim, xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa

2. *Bị đơn*: Anh: Sung Minh S, sinh ngày 05 tháng 4 năm 1988

Địa chỉ: Số nhà 34/3 Ấp Trầu, xã Phước Thiền, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 25/9/2019; Biên bản hòa giải ngày 30/12/2019 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Chá Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Sung Minh S tự tìm hiểu và yêu đương, đến với nhau thành vợ, thành chồng là tự nguyện, không bị ép buộc, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán từ năm 2006, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của Nhà nước.

Thời gian đầu vợ, chồng sống vui vẻ, hạnh phúc tại bản Chim, xã Nhi sơn, huyện Mường Lát và có 02 con chung, điều kiện kinh tế gia đình cũng khá. Từ tháng 3/2018 đến tháng 01/2010 anh So đi nghĩa vụ quân sự trở về. Đến tháng 3/2012 anh S đi làm công nhân cho Công ty TNHH RIOVINA đóng trên địa bàn huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Trong thời gian anh làm công nhân một mình chị ở nhà chăm sóc, nuôi dưỡng hai con, anh S không liên lạc hỏi han gì với gia đình và mẹ con chị, thấy anh S thiếu trách nhiệm với gia đình, do đi làm ăn xa hơn nữa không có liên lạc gì nên chị thấy tình cảm của anh S đối với chị cũng không còn nữa, chị thấy cuộc sống thật mệt mỏi khi có một người chồng thiếu trách nhiệm, không quan tâm gì đến gia đình, bỏ mặc vợ con. Chị cũng cảm thấy không còn tình cảm gì với anh S nữa. Mục đích của hôn nhân là chung sống hạnh phúc để nuôi dạy các con trưởng thành nhưng không đạt được. Vậy nên chị làm đơn xin ly hôn.

Về con chung: Anh, chị có 02 con chung,

1/ **Sung Ngọc H** ; Sinh ngày 12/01/2007.

2/ **Sung Y H** ; Sinh ngày 22/12/2009.

Hiện tại, các cháu đang học tại Trường THCS và Trường tiểu học xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát do chị chăm sóc, giáo dục.

Chị và anh S đã thỏa thuận và thống nhất với nhau là anh S có trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục cháu Sung Ngọc H , sinh năm ngày 12/01/2007 cho tới khi cháu trưởng thành, chị có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Sung Y H , sinh ngày 22/12/2009 cho đến khi cháu trưởng thành. Chị cam đoan, ngoài 2 con chung kể trên, anh, chị không có con chung nào. Hiện tại chị không ốm đau, không có thai nghén. Các cháu khỏe mạnh, ngoan ngoãn.

Về đóng góp nuôi con chung: Không ai phải đóng góp nuôi con chung.

Về Tài sản chung, nợ nần chung: Anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị miễn án phí theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên Tòa hôm nay, Anh Sung Minh S vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt, trong đơn xin vắng mặt và bản tự khai ngày 27/9/2019; Biên bản hòa giải ngày 30/10/2019, anh trình bày: Đồng ý như lời trình bày của chị Tông về hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn. Theo anh, hai vợ chồng không có đăng ký

kết hôn, anh đi làm ăm xa. Không liên lạc về nhà, thiếu trách nhiệm, chị không tin tưởng anh và không chịu được nên xin ly hôn. Anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh đồng ý như ý kiến chị T , hai con đã lớn và biết tự lựa chọn ở với ai nên anh tôn trọng ý kiến của các con. Anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, dạy giỗ cháu Sung Ngọc H , sinh ngày 12/01/2007 tới khi cháu đủ 18 tuổi và trưởng thành, chị T có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Sung Y H , sinh ngày 22/12/2009 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và trưởng thành như nguyện vọng của các cháu. Không ai phải đóng góp nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ nần chung: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Các đương sự được miễn tiền án phí HNGĐ sơ thẩm.

Anh cam đoan, ngoài 2 con chung kể trên, anh, chị không có con chung nào. Hiện tại sức khỏe anh rất tốt, không ốm đau, không có bệnh hiểm nghèo.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận Đơn khởi kiện của chị Chá Thị Tông. Do anh chị không có đăng ký kết hôn, là hôn nhân không hợp pháp nên đề nghị HĐXX Tuyên: Không công nhận chị Chá Thị Tông và anh Sung Minh So – Đương sự trong vụ án là vợ chồng.

Về con chung và tài sản chung: Các đương sự đã thỏa thuận, tại phiên tòa không có yêu cầu. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm pháp luật, được Hội đồng xét xử ghi nhận nên Kiểm sát viên không có ý kiến gì.

Về án phí: Miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Chị Chá Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn anh Sung Minh S , sinh ngày 05/4/1988

Hộ khẩu thường trú: Bản Xía Nọi, xã Sơn Thủy, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Hiện tại đang làm ăn ở: Ấp Trầu, xã Phước Thiền, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ điều 28, điều 35; điều 39 và điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì đây là vụ án tranh chấp ly

hôn, Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết.

[2]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là "Tranh chấp ly hôn". Căn cứ điều 68 bộ luật tố tụng dân sự thì chị Chá Thị T là nguyên đơn, anh Sung Minh S là bị đơn

[3]. *Việc chấp hành pháp luật của Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng:*

- Về Người tiến hành tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng luôn tiến hành đầy đủ các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, gồm: Thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ; cung cấp lời khai, xác minh tình trạng hôn nhân, kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải… Tống đạt đầy đủ, đúng thời gian các thủ tục tố tụng cho người tham gia tố tụng.

- Về Người tham gia tố tụng: Các đương sự luôn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

[4]. *Về hôn nhân:* Chị Chá Thị T và anh Sung Minh S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, được 2 bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán người dân tộc Mông địa phương, quá trình chung sống anh, chị không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền, hiện tại anh, chị đã sống ly thân từ tháng 3/2012. Đối chiếu với quy định của pháp luật thì thấy: Tại điểm b mục I Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội khóa X về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày luật này có hiệu lực pháp luật cho đến ngày 01/01/2003; trong thời hạn này mà họ không đăn ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng"*. Như vậy chị T và anh So vi phạm quy định tại điều 9 và điều 11 luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay anh, chị mâu thuẫn, chị Tông có đơn xin ly hôn, anh So cũng đồng ý chấm dứt mối quan hệ vợ chồng giữa hai người. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị T và anh S là vợ chồng.

Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 11; khoản 1 điều 14; điều 53 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Không công nhận chị Chá Thị T và anh Sung Minh S là vợ chồng.

[5]. *Về con chung:* Các đương sự thỏa thuận: Giao cháu Sung Ngọc H , sinh ngày 12/01/2007 cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, dạy giỗ cháu tới khi cháu đủ 18 tuổi và trưởng thành, chị T có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Sung Y Hiền, sinh ngày 22/12/2009 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và trưởng thành. Xét thấy; Việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện không vi phạm pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận việc nuôi con chung của các đương sự.

[6]. *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung

[7]. *Về tài sản chung*, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8]. *Về án phí sơ thẩm và kháng cáo:* Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 24; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Miễn án phí HNGĐ sơ thẩm về ly hôn cho chị Hơ Thị Tông.

Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

[9]. Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 48; Điều 68; Điều 147; Điều 266; Điều 267; Điều 273; Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9; Điều 11; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000

Điều 9; Điều 11; Điều 14; Điều 53; Điều 82; 83;84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm b mục 1 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội khóa X về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 24; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Chá Thị T và anh Sung Minh S là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; Giao cháu Sung Ngọc H, sinh ngày 12/01/2007 cho anh Sung Minh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, dạy giỗ cháu tới khi cháu đủ 18 tuổi và trưởng thành, chị Chá Thị T có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Sung Y H, sinh ngày 22/12/2009 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và trưởng thành.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về án phí: Miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chị T.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị T

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Phòng KTNV TAND tỉnh TH;
- VKSND huyện Mường Lát;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Nhi Sơn, H. Mường Lát;
- Lưu HS.